

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2020

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC SÔNG SÀI GÒN (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2020
(Tuần từ ngày 23 tháng 4 năm 2020 đến ngày 29 tháng 4 năm 2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	
Bến Cát	6,8	110,0	+ 36,9	- 23,4	- 51,3	- 25,1	-	6,1
Bình Long	34,2	247,0	+ 166,6	+ 189,2	+ 109,0	+ 12,0	+ 455,1	13,3
Cần Đăng	0,0	93,2	- 22,3	+ 84,9	- 68,9	- 53,6	-	2,2
Dầu Tiếng	9,6	286,7	+ 139,8	+ 554,6	+ 118,2	+ 44,1	+ 12.931	8,3
Đông Ban	0,6	102,8	+ 16,4	+ 131,5	+ 75,4	- 57,3	-	4,0
Gò Dầu	0,0	16,5	- 82,0	- 85,6	- 88,7	- 90,4	-	2,0
Lộc Ninh	2,6	82,4	- 8,9	+ 24,8	- 44,2	- 59,9	-	7,6
Sở Sao	3,0	64,0	- 39,3	- 21,4	- 34,0	- 73,1	+ 223,2	5,3
Tân Sơn Hòa	0,0	35,1	- 54,4	+ 197,5	- 76,3	- 89,1	+ 19,8	3,6
Tây Ninh	20,7	175,9	+ 50,4	+ 289,2	+ 62,7	- 10,3	-	14,7
Trung bình	7,8	121,4	+ 20,3	+ 134,1	+ 0,2	- 40,3	+ 3.407	6,7

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích trung bình các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 20,3%, cao hơn năm 2019 là 134,1%, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2018, thấp hơn 40,3% so với năm 2017 và cao hơn nhiều so với năm 2016. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Bình Long (34,2 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại các trạm Cần Đăng, Gò Dầu, Tân Sơn Hòa (0,0 mm).

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 6,7 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2019	2018	2017		
Hồ Dầu Tiếng	1.580,00	832,02	52,66	- 5,0	+ 3,7	- 6,0	- 22,8	Giảm	49,23
Hồ Càn Nôm	7,99	4,32	54,01	- 20,7	- 15,3	- 25,2	- 36,1	Giảm	50,06
Hồ Ba Veng	0,8674	0,68	77,88	+ 19,1	-	+ 9,0	+ 7,2	Giảm	74,11
Hồ Tha La	23,47	19,54	83,27	- 10,0	- 16,7	- 16,7	- 14,5	Giảm	86,29
Hồ Bù Nâu	0,614	0,23	36,65	- 56,5	- 57,6	- 58,7	- 63,4	Giảm	33,21
Hồ Tà Thiết	1,15	0,242	21,02	- 26,1	- 21,6	- 21,6	- 43,8	Giảm	18,24
Hồ Rừng Cắm	2,068	1,44	69,66	- 12,1	- 17,3	- 28,7	- 30,3	Giảm	62,47
Hồ Tà Te	0,756	0,34	44,44	- 32,7	- 28,2	- 37,6	- 44,9	Giảm	32,39
Hồ Suối Lấp	0,37	0,36	96,20	- 6,7	+ 5,2	+ 61,8	+ 54,8	Giảm	88,61
Hồ Lộc Thạnh	2,957	2,00	67,58	+ 23,7	+ 0,6	+ 42,7	+ 2,5	Giảm	65,54
Trung bình/Tổng	1.620,24^(*)	861,15	53,15	- 12,7	- 14,7	- 8,1	- 19,1		49,80

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ. (*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 1.620 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 22/04/2020 ở mức trung bình so với DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 861,15 triệu m³ (đạt 53,15% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ năm 2018, thấp hơn so với cùng kỳ năm 2019 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 30% DTTK như: Hồ Tà Thiết (21,02% DTTK) thuộc tỉnh Bình Phước.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 4 của vụ Đông Xuân 2019-2020 của 10 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) là **35,42** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Đông Xuân 2019-2020				Nhu cầu nước tưới tháng 4 cho vụ Đông Xuân 2019-2020 (10 ⁶ m ³)
		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		6.715,0	1.681,0	35.265,0	447,0	35,42
1	Hồ Dầu Tiếng	6.500	1.647	32.613	440	32,92
2	Hồ Càn Nôm	89	31		7	0,09
3	Hồ Ba Veng			70		0,05
4	Hồ Tha La	10	3	2.237		1,93
5	Hồ Bù Nâu	42		50		0,06
6	Hồ Tà Thiết	70		20		0,15
7	Hồ Rừng Cắm			90		0,07
8	Hồ Tà Te	4		30		0,03
9	Hồ Suối Lấp			85		0,07
10	Hồ Lộc Thạnh			70		0,05

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 4 năm 2019 (10 ⁶ m ³)
1	Hồ Dầu Tiếng	79,98
2	Hồ Càn Nôm	0,34
3	Hồ Ba Veng	0,12
4	Hồ Tha La	2,55
5	Hồ Bù Nâu	0,26
6	Hồ Tà Thiết	0,31
7	Hồ Rừng Cẩm	0,10
8	Hồ Tà Te	0,05
9	Hồ Suối Láp	0,11
10	Hồ Lộc Thạnh	0,11

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 4 cho vụ Đông Xuân, kết quả dự báo tuần từ ngày 23/04/2020 đến ngày 29/04/2020 như sau:

- **10/10 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Dầu Tiếng, hồ Càn Nôm, hồ Ba Veng, hồ Tha La, hồ Bù Nâu, hồ Tà Thiết, hồ Rừng Cẩm, hồ Tà Te, hồ Suối Láp, hồ Lộc Thạnh.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Đông Xuân 2019-2020 từ ngày 23/04/2020 đến 29/04/2020			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Dầu Tiếng	52,66	41.200	50,36	100	41.200	Đủ nước
Hồ Càn Nôm	54,01	127	52,68	100	127	Đủ nước
Hồ Ba Veng	77,88	70	74,09	100	70	Đủ nước
Hồ Tha La	83,27	2.250	89,03	100	2.250	Đủ nước
Hồ Bù Nâu	36,65	92	34,39	100	92	Đủ nước
Hồ Tà Thiết	21,02	90	20,74	100	90	Đủ nước
Hồ Rừng Cẩm	69,66	90	67,98	100	90	Đủ nước
Hồ Tà Te	44,44	34	41,77	100	34	Đủ nước
Hồ Suối Láp	96,20	85	93,74	100	85	Đủ nước
Hồ Lộc Thạnh	67,58	70	66,40	100	70	Đủ nước
Trung bình/Tổng	53,15	44.108^(*)	50,97	100	44.108^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tây Ninh	Thanh Bắc – Tân Biên	190,6	-	+ 33	- 65	Rủi ro hạn thấp

Dầu Tiếng	Tân Hà – Tân Châu		295,0	-	+ 108	- 38	Rủi ro hạn thấp
	Thanh Đức – Gò Dầu						
	Cầu Khởi – Dương Minh Châu						
	Gia Lộc – Trảng Bàng						
Trung bình			242,8	-	+ 70	- 51	Không hạn

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 70% và cao hơn so với năm có lượng mưa nhỏ nhất (do lượng mưa cộng dồn năm nhỏ nhất tính đến thời điểm ngày 29/4 các trạm là bằng 0 mm). Tuần qua một số trạm có mưa như: trạm Bình Long 34,2 mm, trạm Lộc Ninh 2,6 mm (tỉnh Bình Phước); trạm Dầu Tiếng 9,6 mm, trạm Tây Ninh 20,7 mm (tỉnh Tây Ninh) giúp bổ sung nguồn nước kịp thời cho SXNN các khu vực này. Tuy nhiên, với cảnh báo tiếp tục ít mưa và khô hạn cho tới nửa đầu tháng 05/2020, khuyến cáo người dân có kế hoạch sử dụng nguồn nước tại chỗ hợp lý, sử dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước. Cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo thời tiết và bản tin dự báo nguồn nước tiếp theo để chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
44.108	6.715	37.393					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 29/04/2020 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 825,8 triệu m³ (chiếm 50,97% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 10/10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 29/04/2020 không thay đổi.

Để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp đến hết vụ Đông Xuân 2019-2020 và cả vụ Hè Thu, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Các vùng ngoài phạm vi cấp nước của các CTTL cần theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, nguồn nước để thực hiện kế hoạch gieo trồng, giảm thiểu thiệt hại khi nguồn nước không đảm bảo. Tranh thủ bơm, tát, trữ nước dự trữ khi có điều kiện về nguồn nước. **(2)** Tăng cường công tác

tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; (3) Duy tu, sửa chữa công trình phục vụ phòng, chống hạn mặn. Nạo vét một số trục kênh chính, ưu tiên đầu tư nạo vét hệ thống thủy lợi nội đồng củng cố bờ bao ngăn mặn, trữ ngọt, sửa chữa các cống, bọng, điều tiết nước... để tăng khả năng trữ nước ngọt và giữ kín nước, giảm tổn thất rò rỉ, trữ nước trên hệ thống kênh rạch nội đồng chống hạn, đảm bảo cấp nước sinh hoạt và phục vụ sản xuất.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 10 hồ chứa trên lưu vực sông Sài Gòn-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 30/04/2020 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

VIỆN TRƯỞNG